

# DU-GIÀ SƯ ĐỊA LUẬN LƯỢC TOÀN

## QUYỂN 3 (Bản luận 6, 7, 8)

### BẢN LUẬN 6

Trong phần Địa, đoạn thứ tư, Tác ý bất như lý có mười sáu Dị luận, văn phân làm ba phần:

1. Hỏi.
2. Đáp.
3. Từ câu “như vậy mười sáu Dị luận do hai loại môn...” trở xuống, kết thành chỗ phá ở trước.

Trong phần đáp có hai phần:

1. Trình bày Tiểu thừa và ngoại đạo gượng thẳng thượng thủ mười sáu Dị luận.

2. Thứ tự phá riêng.

Trong nhân có quả, văn phân làm bốn đoạn:

1. Tổng nêu.
2. Trình bày Khởi.
3. Trình bày Chấp.
4. Từ câu “nên thẩm vấn...” trở xuống là rộng phá.

“Vũ chúng ngoại đạo” là đại đệ tử của Số luận sư, chủ của mười tám Bộ. Sinh ra khi mưa cho nên gọi là Vũ, đồ đảng của Vũ gọi là chúng. Vũ cho rằng các pháp sơ lược làm ba Đế, trung bình làm bốn Đế, rộng thì làm hai mươi lăm Đế. Trừ Thần ngã đế ra, hai mươi ba Đế khoảng giữa gọi là quả, Tự tánh gọi là nhân, quả trụ trong nhân, vẫn không có Thể riêng, như vàng làm trâm xuyên. Nhân quả khác nhau, lại càng không có Thể riêng, gọi là nhân có quả, như Duy Thức sơ và Kim Thất Thập luận nói.

Trình bày chấp có hai phần:

1. Tổng.
2. Biệt.

Trong Biệt lý, phân làm ba phần:

1. Trình bày nguyên nhân chấp.
2. Từ câu “Tác ý và Tư của nó...” trở xuống là trình bày chấp.
3. Từ câu “như vậy do thi thiết...” trở xuống, kết thành tánh quả

Thường trong nhân.

Trong chấp nguyên nhân, làm tánh Tâm tư, là tánh nhiều tư lự; làm tánh Quán sát, là tánh nhiều là suy tìm; thể trước là Tư, thể sau là Tuệ.

“Trụ Tâm tư địa và trụ Tự biện địa”, Địa là Sở y, nương vào Tâm tư bên trong mà khởi ngôn thuyết biện luận bên ngoài, vì tại giai vị Dị sinh, tại giai vị Tư độ, cho nên khởi chấp như vậy. Bốn loại trên do pháp, hai loại sau do Vị, vì đủ các pháp đó ở tại Vị đó.

Trình bày chấp có hai phần:

1. Trình bày bốn đạo lý.
2. Từ câu “nếu không như thế thì...” trở xuống, mở ngược bốn vấn nạn thành bốn lý trước:

1. Lý cộng thành của thế tục, là nếu từ tánh kia hoặc tánh này được sinh, là từ hạt thóc kia mà cây lúa này được sinh, thế giới cùng chung biết hạt thóc là nhân của cây lúa, không phải do đậu mè... làm nhân.

2. Chỉ đối với nhân này mà mong cầu lý, là nếu mong cầu quả, thì chỉ nắm lấy nhân này, không phải nhân nào khác, là quả lúa của thế gian chỉ lấy nhân thóc, vì mong cầu cây lúa sinh, là gieo giống thóc, không phải đậu mè... nào khác.

3. Tìm tòi các Phi lý khác, là nếu ngay nơi thóc kia mà gia công tìm tòi các sự mong cầu, thì không ngoài sự nào khác, nghĩa là ngay nơi thóc kia, dùng sức cây cấy, để mong cầu cây lúa đơm bông kết quả, không phải đối với đậu mè... nào khác.

4. Lý quả từ nhân kia sinh, lại nếu quả kia ngay từ nhân kia sinh, không từ nhân khác sinh, lúa kia kết quả thì từ thóc kia sinh, không từ đậu mè sinh, cho nên biết trong nhân thóc, trước đã có quả lúa.

Trên đã trình bày bốn lý, dưới đây mở ngược lại bốn vấn nạn, đối với bốn lý trên mỗi mỗi đều phối hợp riêng.

– Vấn nạn thứ nhất: Nếu không từ thóc kia mà cây lúa này được sinh, như thế thì đáng lẽ trong thế tục cùng lập chung tất cả là tất cả nhân, vì quả không nhất định, cho nên nhân quả sinh chung, thì cũng đáng lẽ đậu mè... là nhân của thóc...?

– Vấn nạn thứ hai: Nếu mong cầu quả lúa, thì không những chỉ

mong cầu lấy thóc làm nhân, nếu như thế mà mong cầu một quả lúa, thì đáng lẽ phải lấy tất cả đậu mè... làm nhân?

- Vấn nạn thứ ba: Nếu không đối với thóc dùng sức cày cấy, vì mong cầu quả lúa, như thế là mong cầu quả lúa, thì đáng lẽ phải gia công tìm cầu trong tất cả đậu mè...?

- Vấn nạn thứ tư: Nếu lúa kia kết quả không chỉ từ thóc sinh, như thế đáng lẽ từ trong tất cả đậu mè... là chỗ sinh của tất cả lúa đậu mè khác?

Trong tổng kết thành, chữ “Như vậy” là đạo lý của đoạn văn trước, vì thi thiết để kết thúc nhân thứ nhất ở trước. Chỗ thi thiết của thế tục thì thóc là nhân của lúa. Từ câu “Như vậy...” trở xuống, ba chữ “cho nên” riêng phối hợp với ba lý sau, tùy theo nghĩa cần phải biết.

- Trong Biệt phá phân làm ba phần:

1. Trình bày chung.
2. Vấn nạn riêng.
3. Kết thành.

- Trong phần vấn nạn riêng phân làm hai phần:

1. Riêng mở bốn đạo lý.
2. Hiện năm tướng để biểu thị chánh tông.

1. “Đạo lý không khác”, tướng là Thể, nhân quả không khác, đáng lẽ không có hai thứ quyết định sai biệt, phải lập lượng rằng: “Quả thể của ông, đáng lẽ không phải quyết định, vì quả tướng tức là nhân tướng, cũng như nhân tướng”. Nhân tướng cũng như thế, vì người kia chấp một tướng của Thể có khác nhau. Luận có Tông và Nhân cho nên ở đây thêm Dự. Từ câu “Nếu có Dự tướng...” trở xuống, là thi thiết để ngăn chặn. Từ câu “Nếu tướng chưa sinh thì quả trong nhân cũng chưa sinh, mà nói có là không đúng lý” trở xuống, là quả trong nhân, Thể cũng chưa sinh thì tại sao nói có! Lập lượng rằng: “Quả ở trong nhân của ông không nên nói có, vì chưa sinh tướng, cũng như sừng thỏ...”. Từ câu “Nếu tướng đã sinh tức là thể của quả đã sinh, thì lại từ nhân nào mà sinh? Không đúng lý, là Lượng rằng: “Trong nhân đã có quả sinh trước, thì pháp đáng lẽ lại không từ nhân nào mà sinh, vì Thể đã sinh rồi, như đã sinh quả”. Hoặc nói sinh, nghĩa là có Thể, chính là tông này.

2. Trong hiện thị Chánh tông, từ câu “Lại nữa, pháp có tướng trong pháp có tướng pháp...” trở xuống, có tướng tức là có Thể tướng, có thể nương vào quả pháp. Trong “pháp có tướng tức là có Thể tướng”, là nhân pháp Sở y.

3. “Tức là do Tự tướng khả đắc cũng như tự thể nhân, không do so

sánh đo lường”, là như tự tướng của nhân có thể sinh công năng có thể chứng đắc quả, không phải có quả thể, tự thể của nhân này hiện là chỗ có thể thấy, không do so sánh đo lường.

4. “Do tự tác nghiệp khả đắc”, là như hiểu rõ Sắc nghiệp để hiển Nhân thức...

5. “Do nhân đổi khác cho nên quả thành cũng đổi khác...”, nhân gần đã đổi khác thì quả cũng đổi theo. Duyên cũng như vậy, như hạt thóc và cây lúa không phải không biến nhân mà chỉ riêng biến quả. Tại sao Tự tánh của ông không biến? Vì các Đế khác biến thành. Lượng rằng: “Tự tánh của ông đáng lẽ cũng đổi khác, vì quả đổi khác, như thóc mè... Bốn nhân tổng kết ở trên, văn dễ hiểu.

Trong “từ Duyên hiển rõ luận”, văn cũng có bốn phần, tức là Kim Thất Thập luận của Số luận sư, hai mươi ba Đế trụ trong nhân, từ nhiều duyên khác hiển hiện, biến thành các Đế khác, dụng dứt trở về gốc, vì tất cả thế gian vốn không có sinh diệt, từ duyên mà hiển, như thường phân biệt.

Trong đây có chỗ nói, trước Vũ chúng ngoại đạo có kế chấp pháp từ Duyên sinh, cho nên trước vấn nạn rằng: “Quả trước là có, lại từ duyên sinh, là không đúng chánh lý”. Hiện tại từ Duyên hiển cho nên Vũ chúng khác nhau, nghĩa này không đúng. Luận ghi: “Ngay trong nhân có quả, là kế chấp”. Cho nên không phải các Vũ chúng sư. Nhân Minh cũng ghi: “Như đệ tử Phật, đối với Số luận sư, lập ra âm thanh diệt hoại, là Năng biệt không thành”. “Nếu Số luận sư kế chấp có sinh”, vì sinh thì phải diệt, làm sao nói Năng biệt không thành? Cho nên biết trước sau đồng là kế chấp của một sư. Trước nói “sinh”, biểu thị nghĩa là Hữu, hoặc đặt ra để ngăn ngừa.

“Luận về tướng âm thanh”, tức là từ thanh mà hiển Sư, không phải Thanh sinh kế chấp, Thể của thanh là Hữu, từ duyên mà hiển nó.

“Quả trong Lý, trước hết là có lại từ nhân sinh...”, là lập câu vấn nạn thứ nhất. “Tất cả không phải hiển”, là kế chấp quả pháp kia xưa nay Thể là có, lại từ nhân sinh, là không đúng đạo lý và thành quả pháp chỉ từ nhân mà hiển. “Các kế chấp Sinh”, là không có chấp quả pháp trụ trong nhân, luận kia thuận theo quả của tự tông trước là có, lại trình bày kế chấp của người khác là từ nhân mà sinh. “Nhưng không phải không dụng công để làm thành quả...”, là thế tục lập hiển đạo lý, cho rằng mong cầu quả pháp của thế tục, không phải không dụng công đối với nhân. “Nếu không vì hiển quả thì duyên gì mới tạo ra công dụng, cho nên khởi công dụng để làm thành quả”, lẽ nào không chỉ vì hiển rõ

quả hay sao! Đã là quả không sinh, cho nên biết từ đâu mà hiển!

- Trong Phá, phân làm ba đoạn:

1. Phá chấp của Số luận.
2. Mở chánh nghĩa.
3. Nêu phá Thanh luận.

Trong đoạn thứ nhất phá chấp phân làm hai phần là vấn nạn riêng và kết thành. Trong vấn nạn riêng phân làm ba phần là có chướng và không có chướng, hữu tánh và quả tánh, khác và không khác.

“Có chướng và không có chướng”, nghĩa là khi quả không hiển thì là có chướng, vì Thể sinh cho nên bị chướng, nhưng quả không hiển thì làm không chướng Thể? Nhưng vì chướng Thể kia cho nên quả không hiển. Vấn nạn không có chướng Thể, Lượng rằng: “Không có Thể thì đáng lẽ không bị chướng, vì không có Thể, như con của gái đá; hoặc quả pháp của ông đáng lẽ gần sắp hiển, vì không có chướng duyên, cũng như nhân pháp của ông”. “Nếu có chướng duyên thuộc nhân của quả, tại sao không chướng cũng đồng là có”? Là quả Thể có Hữu chướng, khéo chướng Thể của nhân, không phải không có chướng, thì đáng lẽ chướng cũng đều là có. Lượng rằng: “Nhân hữu thể chướng của ông, đáng lẽ cũng phải chướng kế chấp Thể là Hữu, như chỗ chướng quả, nếu như nước làm quả thì bóng tối có thể chướng nó, bồn chậu là nhân của nước, bóng tối cũng có thể chướng, nước và chậu đều có bóng tối che chướng không khác nhau. Nhân quả chẳng phải không có, thì chướng đáng lẽ là đồng, che lấp nghĩa của Tỷ lượng cứ theo đây có thể biết. Nếu bỏ cứu cho rằng “chướng duyên cũng có thể chướng nhân”, thì cũng phải hiển nhân, nhưng tại sao chỉ nói từ nhân hiển quả? Lượng rằng: “Nhân trong tông của ông đáng lẽ phải từ duyên hiển, vì chướng Sở chướng, cũng như quả pháp; hoặc quả pháp của ông không từ duyên hiển, vì thừa nhận có chướng, cũng như nhân pháp”.

“Có tánh là chướng duyên”, có tánh là có Thể tánh. Quả tánh là Sở hữu của nhân, ngay nơi Thể gọi là nghĩa, gọi là quả tánh. Trong đây hỏi rằng: Hữu thể làm chướng duyên hay là quả nghĩa làm chướng duyên? Nếu Hữu thể là chướng duyên thì thể tánh thường có, đó là tánh vĩnh viễn không được hiển, vì hiển mà như chưa hiển, vì thường có Thể. Nhân cũng thường có, tại sao không bị chướng, mà chỉ riêng quả mới có thể bị chướng? Lượng rằng: “Quả trong tông của ông đáng lẽ vĩnh viễn không hiển, vì thường có tánh, cũng như chưa hiển. Thể trong tông và Nhân của ông cũng đáng lẽ bị chướng, vì Thể thường có, cũng như đối với quả”.

“Nếu nói quả tánh là chướng duyên” nghĩa là như mầm. Một pháp cũng là nhân cũng là quả, mong Chủng tử là quả, mong nhánh thân cây là nhân, mong nhánh thân cây không chướng, mong nhân có thể chướng, nghĩa của chướng nhiếp hiển và không hiển, cho nên thành một pháp vừa hiển vừa không hiển. Phải lập lượng rằng: “Quả thể trong Tông của ông, từ trước đến nay là hiển”, cho nên đặt thành vấn nạn này. Hoặc tự tánh Thể của ông cũng đáng lẽ là quả, vì hiển nhân của nó, như nhân của quả sau, cũng như người kia chấp mầm là nhân thì phải hiển, cho nên thành vấn nạn này. Hoặc đáng lẽ quả tánh không phải chướng, vì Thể tức là nhân, như nhân, nhân cũng đáng lẽ là chướng, vì tức là quả thể, như quả. Cho nên nói một pháp cũng là nhân cũng là quả.

Khác và không khác: “Pháp này cùng với hiển làm khác và không khác”, là pháp này tức là quả, vì từ trước đến nay đã có. Hiển là hiển rõ, vì gặp duyên thì hiển. Nếu là không khác thì pháp đáng lẽ thường hiển, vì xưa nay quả pháp trước đã thường có, trước hiển mà nay cũng hiển, là không đúng đạo lý. Lượng rằng: “Quả pháp trong tông của ông, từ trước đến nay đáng lẽ là hiển, vì tức là pháp này, cũng như pháp này. Quả pháp trong tông của ông, đáng lẽ bây giờ mới có, vì tức là hiển, thì như bây giờ mới hiển. Tỷ lượng của pháp này thì ngược lại đây có thể biết.

“Nếu nói Khác thì quả kia hiển là không có nhân hay sao”, đây là hỏi khi quả hiển thì có nhân hay không có nhân. Không có nhân, Lượng rằng: “Quả pháp từ trước đến nay đáng lẽ là hiển, vì hiển không có nhân, như sau khi hiển; hoặc hiện tại đáng lẽ không hiển, vì hiển không có nhân, như khi chưa hiển”.

“Nếu có Hiển nhân, thì quả tánh có thể hiển Phi nhân tánh”, là một Chủng tử có nhân, thì quả tánh có thể hiển, không thể hiển nhân tánh là không đúng đạo lý. Lượng rằng: “Nhân của ông đáng lẽ hiển, vì hiển có nhân, cũng như quả pháp; hoặc quả đáng lẽ không hiển, vì hiển có nhân, cũng như đối với nhân”. Hoặc luận kia bổ cứu rằng: “Quả pháp chưa hiển, thì hiển nhân cần phải hiển, nhân pháp không ẩn thì cần gì nhân hiển! Hữu thể là đồng, thì hiển nhân xứng với hữu, có hiển và không có hiển, thì lý trái nhau”. Lượng rằng: “Nhân hiển của hữu thể, cũng đáng lẽ hiển nhân, vì nhân hiển có, cũng như hiển quả”.

Tổng kết đoạn văn kia, nói: “Tánh nếu là chết thì không thể hiển rõ”, là trong pháp có tướng, nếu không có tánh kia thì không thể hiển rõ, như sữa trong sừng, váng sữa trong nước; nếu có tánh kia mới có thể hiển rõ, như lạc trong sữa, như kim loại trong khoáng, không ngại có tánh và không có tánh, chỉ ngăn quả trụ nhân.

- Hiển thị chánh nghĩa có sáu phần:

1. Xứ xa khó lấy.
2. Bốn chương khó lấy. Quyển thứ 3 trước ghi: “Che lấp, ẩn mất, đoạt mất ánh sáng, huyền hoặc”.
3. Vi tế khó lấy, như Cực vi.
4. Tâm loạn khó lấy, như cảnh của thần thông.
5. Căn hoại khó lấy, như già, mê muội, bệnh...
6. Vô trí khó lấy, như không có Chân trí, Tha tâm trí... không phải trong nhân kia trước có quả tánh mà không thể lấy, vì sáu thứ không nhiếp.

Kế chấp của phần luận về Thanh, hoặc nội hoặc ngoại, hoặc toàn phần hoặc một phần, đều như bài Số thứ nhất của Duy Thức nói. Từ trên đến đây hai kế chấp đều là chỗ tóm nhiếp của Tăng ích tà kiến.

- Trong phần luận về ba đời, văn cũng có bốn đoạn:

1. Trình bày tông.
2. Trình bày vấn nạn.
3. Trình bày chấp.
4. Phá.

- Trong trình bày chấp có hai phần:

1. Trình bày ngoại đạo.
2. Trình bày Tiểu thừa.

Lượng của tông ngoại đạo nói: “Quá khứ và vị lai là thật có, vì chỗ nhiếp của đời, cũng như hiện tại. Nhất thiết hữu trong giáo pháp nội đạo tức là mười hai Xứ”, ý của tông kia nói, Thật tướng của mười hai Xứ này là có, Ý duyên mười hai pháp Xứ của ba đời cho nên quá khứ và vị lai là có. Rộng như Câu-xá quyển 20 và quyển 52, giải thích nghĩa của kinh này.

Trong lý, “Nếu là Tự tướng của pháp an trụ pháp chân thật này là có”, là tổng kết các pháp an trụ Tự tướng, pháp thật có này không an trụ Tự tướng, pháp này trở thành không, như lông rùa, vì đời quá khứ và đời vị lai trụ Tự tướng, pháp Thể thành có thì không đồng với lông rùa. “Nếu vị lai không có”, thì đáng lẽ chưa thọ Tự thể, đáng lẽ không phải tức là vị lai. Lượng rằng: “Vị lai của Đại thừa đáng lẽ không phải vị lai, vì chưa thọ tướng tự thể, như lông rùa”. “Nếu quá khứ không có”, thì đáng lẽ mất tướng tự thể của quá khứ, đáng lẽ không gọi là quá khứ. Lượng rằng: “Quá khứ của Đại thừa đáng lẽ không gọi là quá khứ, vì mất tướng Tự thể, như lông rùa”. Nếu như vậy thì Tự tướng các pháp trong ba đời không thành, vì Tự tướng không thành cho nên cũng không

phải chân thật. Lượng rằng: “Hiện tại Tự tướng của Đại thừa không thành, hoặc cũng không phải chân thật vì chỗ nhiếp của đời, cũng như quá khứ và vị lai. Hiện tại đã không như vậy, thì quá khứ và vị lai tại sao nhiếp đời? Hoặc là Tự tướng của Hữu vi thật ra không thành, vì không có ba đời, như sừng thỏ...”

- Phá tông có năm đoạn:

1. Mở ra ba vấn nạn.
2. Người ngoài hỏi vặn.
3. Trình bày thêm Phá.
4. Giải thích kinh kia.
5. Nói ba đời mỗi mỗi đều là mười hai tướng, để hiển chỗ sai của luận kia.

- Trong phần thứ nhất có hai đoạn:

1. Mở ba vấn nạn.
2. Tự tướng như vậy, cho nên tổng kết văn trước.

Ba vấn nạn là:

1. Vấn nạn Tự tướng một và khác.
2. Vấn nạn Cộng tướng của Thường...
3. Vấn nạn bảy nghĩa của vị lai.

Hoặc nói tướng là một, lập tướng ba đời là không xứng đạo lý. Tướng là Thế. Lượng rằng: “Thế đáng lẽ không có ba, vì tức là một Thế, cũng như một Thế. Hoặc Đời đáng lẽ không có ba tướng, vì là một, cũng như hiện tại”. Đây là thiết lập để ngăn, không phải nghĩa của tông này.

Hoặc tướng khác thì tánh tướng thật có là không xứng đạo lý. Ý này nói: “Tướng ba đời, tướng là khác vì lìa hiện tại. Ngoại là tánh tướng thật có của quá khứ và vị lai, vì khác với hiện tại, cũng như sừng thỏ”. Chân như của Đại thừa không phải quyết định khác với hiện tại, không có lỗi Bất định. Hoặc nhân nói: “Hiện tại là chỗ không nhiếp của Vô vi”, Tông và Dụ đồng như trước.

“Là tướng Thường và tướng Vô thường”, vì ba đời cùng có cho nên gọi là Cộng tướng. “Nếu là tướng Thường”, là giả thuyết trình bày để chất vấn, không phải chính là Tông kia. Lượng rằng: “Năm uẩn trong tông của ông đáng lẽ không rơi trong ba đời, vì thừa nhận tướng Thường, như Vô vi”. Hoặc tướng Vô thường trong ba đời hằng có, cũng không xứng lý. Lượng rằng: “Năm uẩn trong tông của ông không thường hằng thật có đối với ba đời, vì tướng Vô thường, như sừng thỏ”. “Nếu nói Biểu thuyên vô thường không phải ngăn Thuyên”, Lượng rằng: Các



pháp của năm Uẩn không phải ba đời hằng hữu, vì chỗ nhiếp của đời, cũng như bảy huyễn sư.

- Trong vấn nạn nghĩa:

1. Trình bày bảy vấn nạn.

2. Đoạn văn phá riêng.

- Hợp lại có bốn phần. Tát-bà-đa Câu-xá tụng thứ 20 ghi:

*Trong đây có bốn thứ,  
Loại tướng vị đãi dị,  
Vị thứ ba tác dụng,  
Lập đời rất là thiện.*

Pháp Cú ghi:

*Thế do loại bất đồng,  
Khi pháp hành trong đời,  
Loại biệt không phải Thế,  
Như vàng làm đồ vật,  
Hình khác mà loại đồng,  
Như sữa thành tô lạc,  
Vị mất sắc thì còn.*

Pháp từ vị lai lưu chuyển đến đời hiện tại, hiện tại nhập quá khứ, chỉ xả được loại, không xả được Thế.

Diệu Âm nói: “Thế do tướng bất đồng, khi pháp hành nơi thế gian, là chính quá khứ cùng với quá khứ hợp nhau, nhưng không gọi là lia tướng hiện tại và vị lai. Chính vị lai cùng với vị lai hợp nhau, nhưng không gọi là lia tướng quá khứ và hiện tại. Chính hiện tại cùng với hiện tại hợp nhau, nhưng không gọi là lia tướng quá khứ, như nhiễm một vớ cả, thì đối với các vớ lẻ khác không gọi là lia nhiễm”.

Thế Hữu nói:

*Thế do vị bất đồng,  
Khi pháp hành nơi thế,  
Thế đồng, vị thì khác,  
Như đời một thể tre,  
Đặt một gọi là một,  
Đặt trăm gọi là trăm,  
Đặt ngàn gọi là ngàn.*

Giác Thiên nói về Thế:

*Do chờ nhau bất đồng,  
Khi pháp hành nơi thế,  
Trước sau cùng chờ nhau,*

*Đặt tên thì có khác,  
Cũng như một người nữ,  
Gọi mẹ, gọi con gái.*

Thế Thân nói: “Trong bốn thuyết này, thuyết thứ nhất là chấp, đồng với Số luận ngoại đạo. Thuyết thứ hai là chấp tướng, vì lìa đều có ba tướng, như khi nhiễm thê (vợ), là hiện có tham khởi, ngoài ra chỉ thành tự, đâu có nghĩa gì là đồng! Thuyết thứ tư chấp là một, đời đáng lẽ có ba đời, như sát-na trước sau của quá khứ, đời đáng lẽ gọi là quá khứ, vị lai và hiện tại. Vị lai cũng như thế, vì đồng chờ nhau. Do đây, thuyết thứ ba rất khéo nói, y theo tác dụng của pháp lúc chưa có, đang có và đã có khác nhau”.

“Hiện tại bảy nghĩa này, từ trình bày nghĩa thứ nhất đến đây”, là vấn nạn nghĩa loại và dị của Pháp Cú; vấn nạn thứ tư là có nghiệp, để phá nghĩa vị khác với tác dụng của sư Thế Hữu; vấn nạn thứ sáu là Dị tướng, để phá nghĩa Tương đãi (chờ nhau) của các sư Giác Thiên; vấn nạn thứ bảy là có hiện tại phần, để phá nghĩa Tương dị (khác nhau) của sư Diệu Âm, còn lại ba vấn nạn thứ hai, ba và năm là đặt ra để ngăn ngừa, không phải là gốc kế chấp của các Bộ. Phá bốn sư này như Câu-xá nói. Quyết Trạch phần quyển 51 trình bày thành sáu kế chấp. Nội dung giống nhau.

“Chưa đến hiện tại”, là pháp thể không dời chuyển. “Hương đến hiện tại đối với sinh này”, là vị lai chết mất thì hiện tại mới sinh. “Làm duyên sinh hiện tại”, là pháp trụ ở vị lai làm nhân duyên sinh pháp riêng của hiện tại. “Hiện tại có nghiệp”, nghĩa là vị lai không có dụng mà do hiện tại sinh dụng. “Tướng hiện tại đã viên mãn”, là tướng gốc chưa tròn, đến hiện tại mới viên mãn. “Hiện tại Dị tướng”, là bản thể tuy đồng, nhưng tương đãi và tương biệt. “Có hiện tại phần”, là pháp vị lai có vị lai phần và hiện tại quá khứ phần, có nghĩa là thuyết minh hiện tại cũng có hiện tại phần và vị lai quá khứ phần. Quá khứ cũng như vậy, luận này chỉ nêu ra phần của hai đời, các loại còn lại có thể biết. Quyển 51 có sáu nghĩa, nhưng không có nghĩa thứ sáu này, nghĩa thứ sáu của quyển 51 kia tức là nghĩa thứ bảy của luận này. Hoặc giải thích rằng: “Nghĩa thứ sáu và thứ bảy hợp lại làm nghĩa thứ sáu của luận kia. “Hiện tại Dị tướng”, tức là hiện tại kia, có hiện tại phần và vị lai phần. Luận này thì tách rời, luận kia thì hợp chung, cũng không trái nhau. Nếu tạo giải thích này, thì không có nghĩa tương đãi của sư Giác Thiên, cho nên phải biết chỗ nói trước là hay khéo.

Biệt phá phân làm hai phần:

1. Năm đoạn phá.
2. Ví dụ đến quá khứ.

Sau đây ba vấn nạn hợp lại làm ví dụ phá nghiệp dụng. Vấn nạn thứ nhất có ba đoạn:

1. Có phương sở.
2. Cùng với hiện tại không khác.
3. Đáng lẽ là Thường.

Vấn nạn thứ nhất, Lượng rằng: “Vị lai đáng lẽ có phương sở, vì có đi đến, cũng như hiện tại. Lại nữa, vị lai đáng lẽ cùng với hiện tại không khác, vì có đi đến, vì có phương sở, cũng như hiện tại. Lại nữa, pháp thể của vị lai đáng lẽ là Thường, vì xưa nay có, như hư không”. Quyển 51 ghi: “Các pháp của vị lai, không có đi đến hiện tại, không có phương xứ, cũng như thiện Vô vi.

Vấn nạn thứ hai có hai đoạn:

1. Vị lai không sinh ở hiện tại, hiện tại thì trước không mà nay sinh. Lượng rằng: “Pháp của vị lai, Thế đáng lẽ không phải Hữu vi, vì vốn không sinh, như hư không. Cũng không phải thật có, không phải là Vô vi, vì vốn không sinh, giống như sừng thỏ.

2. Vị lai chưa sinh mà nói chết mất. Lượng rằng: “Các pháp của vị lai đáng lẽ không có chết mất, vì vốn chưa sinh, như hư không”. Lại nữa, pháp vị lai đáng lẽ có sinh, vì thừa nhận có chết, cũng như hiện tại.

Vấn nạn thứ ba có hai đoạn:

1. Pháp đáng lẽ là Thường. Lượng rằng: “Những pháp trụ ở vị lai làm duyên, đáng lẽ là thường trụ, vì không có biến đổi giống như Vô vi.

2. Đáng lẽ trước không có mà nay sinh, không phải pháp vị lai sinh, đây là trái với tông. Vấn nạn kia rằng: Pháp vị lai lưu nhập hiện tại, hiện tại pháp này là duyên sinh của vị lai, vị lai thì trước kia không có, bây giờ mới sinh, không phải pháp của vị lai sinh, lẽ nào không trái với tông?

Vấn nạn thứ tư: Phá nghiệp dụng có ba đoạn:

1. Trước không có nghiệp dụng, nay có nghiệp dụng. Vấn nạn rằng: Tức là trước có Thể, nay mới có Dụng, là có cùng lỗi thứ hai trong phần duyên sinh của đoạn trước. Nghiệp hiện tại sinh, vì không phải từ vị lai sinh. Dụng không lia Thể, đáng lẽ không phải mới có. Thể không lia Dụng, đáng lẽ không phải thành từ xưa, lập Lượng đồng như trước.

2. Dị tướng của nghiệp dụng và pháp tướng. Vấn nạn rằng: Tướng

của nghiệp dụng này, cùng với pháp vốn có của nó, cả hai đều là có Thể, nghiệp vị lai thì không có, cho nên không xứng lý. Lượng rằng: “nghiệp vị lai đáng lẽ có, vì thừa nhận tất cả đều có, như Thể. Thể của vị lai đáng lẽ không có, vì thừa nhận tất cả đều có, như nghiệp dụng. Hoặc lấy Di tướng làm nhân, Thể và nghiệp dụng sai biệt lẫn nhau”. Tông và Dụ đồng như trước.

3. Nghiệp và pháp vốn có không có Di tướng. Vấn nạn rằng: nghiệp dụng là pháp, pháp Thể sẵn có, trước không có nghiệp dụng mà nay mới có”, là không xứng với chánh lý. Lượng rằng: “nghiệp đáng lẽ vốn sẵn có, vì tức là Thể, như Thể. Thể đáng lẽ vốn đã không có, vì tức là nghiệp, như nghiệp. Tông đó kế chấp nghiệp và Thể không khác nhau. Bây giờ vấn nạn Di mới là thiết lập ngăn trách. Quyển 51 ghi: “Phật nói các hành phi thường và phi hằng. Nghiệp của ông thì vô thường, hành đáng lẽ là thường, là trái với lời Phật dạy”.

Trong ba ví dụ Phá còn lại, “lại có lỗi Tự tánh tạp loạn”, nghĩa là hiển Thức thứ bảy có lỗi hiện tại phần tạp loạn. Vị lai đã có phần của hiện tại đáng lẽ tức là hiện tại, vì có hiện tại phần, cũng như hiện tại. vấn nạn hiện tại cũng vậy, cho nên thành tạp loạn, tướng đó viên mãn, đáng lẽ lập Lượng rằng: “Tướng của vị lai đáng lẽ là mãn, vì có dư một phần tướng, như hiện tại. Hoặc tướng của hiện tại đáng lẽ không viên mãn, vì có dư một phần tướng, cũng như vị lai. Lập lượng vấn nạn Di tướng cũng đồng như vậy.

Trong phần kết thứ hai ở trước, có chín chữ “cho nên”. “Tự tướng”, là tổng kết Tự tướng một và khác của ba đời ở trước. “Cộng tướng”, là tổng kết Thường và Vô thường của ba đời ở trước, vì ba đời cùng có. Còn lại bảy nghĩa tức là bảy nghĩa trước. Vấn nạn ba đời và hỏi vặn lại.

“Đã ghi nhận như vậy rồi”, là ghi nhận riêng phân biệt giải thích nghĩa sâu kín. “Nếu nói tất cả có là mười hai Xứ”, câu nói này có ý hiển mười hai Xứ thông với ba đời. Cảnh pháp sở duyên của Ý thức đều là ba đời, nếu quá khứ hoặc vị lai không có thì liền trái với giáo này.

Trong ba lớp trình bày Phá, duyên của tông kia không có gì mà không sinh tâm, khi duyên sừng thỏ, thì đã từng phân biệt thấy con thỏ đó, đã từng phân biệt thấy cái sừng đó, hợp chung lại một chỗ, không phải duyên hiện tại không có. Từ câu “Nếu như thế thì lời Phật dạy trái nhau, nói không có vì biết nó không có. “Nếu không như thế thì chỉ nên nói có biết đối với có” trở xuống, là vấn nạn. “Duyên vô tâm”, là thiết lập để ngăn kế chấp.

Thứ tư giải thích chỗ dẫn kinh của luận kia, có ba phần:

1. Giải thích mười hai Xứ.
2. Giải thích nghiệp quá khứ.
3. Giải thích có Sắc của ba đời.

“Đối với Vô pháp thì mật ý nói tướng có và tướng không”, là muốn nói pháp không thì có thể giữ tướng không, bởi có pháp giữ tướng không này mà trở thành mật ý nói đó là Hữu, nói đó là pháp, không phải hiển Vô pháp như là có Hữu thể. “Trong pháp có cũng mật ý là Hữu”, là có mà không phải thật có, mượn nói là Hữu trì, cho nên gọi là mật ý.

“Do nhân duyên này mà hành kia đổi khác một cách thù thắng, tương tục chuyển gọi là tập khí”, tức là hành đổi khác thù thắng của tập khí này, tương tục, gián đoạn, ẩn hiển, tế thô, duyên, bất duyên, ngại và bất ngại đều có sai biệt.

Thứ năm là ba giải thích, là mười hai Tướng, vì trong vị lai có thể sinh pháp tướng, nghĩa là không chứng chứng đắc pháp Phi trạch diệt thì không thể sinh pháp Tướng, chứng đắc Phi trạch diệt pháp thì sinh pháp nên có thể cầu, không sinh pháp thì không nên cầu tướng.

- Thứ pháp Ngã có năm đoạn:

1. Trình bày tông.
2. Hỏi ý.
3. Trình bày chấp.
4. Trình bày phá.
5. Hiển chánh nghĩa.

“Có Ngã, Tát-đỏa...”, câu này chỉ có sáu nghĩa, trong quyển 83 có tám nghĩa, Bát-nhã có bốn nghĩa, đều như Xu Yếu nói.

- Trong trình bày chấp có hai phần:

1. Tổng nêu hai nhân.
2. Hiển riêng hai nhân.

Nhân theo Tu mà không Tư, cũng biết có Giác; Tác ý tư lương cũng biết có Ngã, cho nên gọi là hai nhân.

Trong trình bày Phá có hai phần, phần thứ nhất mở riêng mười vấn nạn, phần thứ hai là tổng kết, sau đây là mười vấn nạn:

1. Bất Giác là vấn nạn trước, vấn nạn “tuỳ ý trước tiên biết có Ngã”.

2. Từ câu “sở tác của thế gian cho Giác làm nhân...” trở xuống, Tư giác đặt làm vấn nạn, là vấn nạn từ câu “Tác ý Tư lương trước cũng biết có Ngã” trở xuống, hợp chung làm câu vấn nạn thứ hai.

3. Từ câu “vì đối với Uẩn mà thi thiết có Ngã...” trở xuống, là đối với Uẩn mà thiết lập vấn nạn.

4. Từ câu “chỗ kế chấp hành vi của Ngã tức là các tướng của người thấy...” trở xuống, là đối với người thấy mà lập vấn nạn.

5. Từ câu “vì cùng với nhiễm và tịnh tương ứng...” trở xuống, là kiến lập vấn nạn Nhiễm và Tịnh.

6. Từ câu “vì cùng với tướng lưu chuyển tương ứng...” trở xuống, là vấn nạn sinh tử và Niết-bàn.

7. Từ câu “vì do chỗ sinh của cảnh giới hoặc Khổ hoặc Lạc...” trở xuống, là vấn nạn kẻ làm, người nhận và người giải thoát.

8. Từ câu “lại nữa, ông nay nên nói ý muốn của tự mình là chỉ đối với Ngã mà nói hay là đối với Tác giả...” trở xuống, là vấn nạn thi thiết hữu tác.

9. Từ câu “lại nữa, ông nên nói ý muốn của mình chỉ đối với Ngã kiến lập đối với Ngã...” trở xuống, là thiết lập vấn nạn ngôn thuyết.

10. Từ câu “Kiến kế chấp Ngã làm thiện và bất thiện...” trở xuống, là thiết lập vấn nạn chúng kiến.

Trong phần tổng kết sau đây có mười chữ “cho nên”, phải phối hợp với văn này. Vấn nạn thứ nhất có bốn chữ “cho nên”. Chữ “lại nữa” phân làm bốn đoạn.

Vấn nạn thứ nhất: “Vì đối với việc được thấy mà khởi Tát-đoả giác”, là gốc kế chấp của sư này lia Uẩn mà có Ngã, kế chấp Sắc sở kiến làm Ngã, là điền đảo giác, ngăn trách ngay kế chấp Uẩn, đây là lỗi trái với giáo. Không khác với Tỷ lượng, hoặc ngay kế chấp Uẩn, sư nói: “Chấp có Ngã kiến thì trầm luân sinh tử, nói không có Ngã kiến thì có thể chứng đắc Niết-bàn, cho nên đối với Sắc, thì đây là có Ngã”, gọi là điền đảo. “Nếu Di uẩn kia kế chấp có Ngã”, thì Ngã có hình lượng là không đúng đạo lý. Hình lượng kia lia Uẩn Ngã, hoặc như thân lượng, hoặc như hạt cải, cho nên có hình lượng, đây là vấn nạn Ngã có Sắc không thành. “Có hơn và kém”, là thọ dụng tướng dụng của Sát-đế-lợi, hoặc hạnh dụng của ngu và trí, hoặc thức dụng của những người khéo nhiếp thủ cảnh giới, cho nên lia ngoài Uẩn thì không riêng có các khả năng này. Tổng lập Lượng rằng: “Ngã lia Uẩn, đáng lẽ không có hình lượng, vì lẫn nhau thừa nhận lia Uẩn, như sừng thỏ”.

Vấn nạn thứ hai: “Vì chỉ do pháp tự thể này khởi các Giác...”, là ý hỏi rằng: “Đối với tự thể của cảnh sở giác mà khởi Ngã giác hay là đối với các chỗ khác”? “Nếu đối với pháp sở giác mà tự thể khởi Ngã giác”, có ý hỏi “tại sao ông nói tức là Uẩn kế chấp Ngã gọi là điền đảo”? Vì đối với sắc sở kiến, có hình lượng... mà khởi Ngã giác. Sắc tức là Ngã, cho nên không phải lia Sắc mà riêng có Ngã, vì chấp Sắc làm

Ngã cho nên không phải điên đảo. Lượng rằng: “Ông chấp sắc ngã và tâm đáng lẽ không phải điên đảo, vì thừa nhận thuận với Sở duyên, như Tha tâm trí”. “Nếu do các thể khác khởi các Giác này...”, là cũng do tâm... khởi Hình lượng ngã giác, tức là đối với tất cả pháp cảnh giới mà khởi Hình lượng giác, không phải chỉ có duyên Sắc, cũng đáng lẽ duyên Sắc mà được Giác hơn kém của Ngã, không phải chỉ có duyên Thọ mà khởi Giác kia, thì cảnh và tâm hai thứ liền thành tạp loạn. Cảnh của một Sắc cũng là Giác nhân của Thọ, Tưởng, Hành. Lượng rằng: “Các Sắc trong tông của ông đáng lẽ là Thọ, vì khởi Giác hơn kém, như Thọ”. Ngoài tất cả lượng đều cứ theo đây nên biết.

Vấn nạn thứ ba: “Nếu không duyên khởi tức là không bác bỏ Hiện lượng”, là Hiện lượng hiện thấy cây trụ ở xa mà cho là người, đó là đối với vô tình mà khởi Hữu tình giác, không khởi thì gọi là Phi hiện lượng, trong đó cũng có chỗ trái với thế gian, lược bỏ cho nên không nói. Ý này vấn nạn rằng: Ông kế chấp duyên Sắc thì được khởi Giác của Thọ, đều là giác chân thật, không phải giác điên đảo, cho nên đối với cây trụ ở xa chấp làm người cũng đáng lẽ không phải điên đảo. Đây đã là điên đảo mà ngược lại làm thành đối với Vô ngã. Vọng khởi Tát-đoả Giác, kế chấp Hữu đối với Phi tình, vì khởi Tát-đoả Giác.

Vấn nạn thứ tư: “Nếu lấy nghĩa Hiện lượng chỉ có nghĩa Sắc uẩn... là nghĩa Hiện lượng, thì Ngã không phải nghĩa Hiện lượng là không đúng lý”, vì Nghĩa tức là Cảnh. Tông kia kế chấp Ngã không phải Cảnh hiện lượng, nay nói Hiện cảnh là lập ra để ngăn phá. Chỉ có năm Uẩn là Hiện lượng nghĩa, kia đây cộng thành, Ngã không phải nghĩa là Hiện. Tông của ông tự thuật, nay nói Hiện cảnh mới là trái với tông. “Giác này nếu lấy Cảnh tỷ lượng”, là Giác của Ngã này, nếu khởi trên trẻ con, thì Giác kia chưa có thể tư duy, không thể suy tỷ độ lượng, không nên xem thường Ngã giác được sinh. Lượng rằng: “Ngã giác của trẻ con đáng lẽ không được sinh, vì không có tư duy độ lượng, như con của gái đá”. Tổng lập Lượng rằng: “Ngã của ông đều không phải cảnh của Hiện lượng và Tỷ lượng, vì không có cùng Dụ, như sừng thỏ”.

Từ trên đến đây, bốn đoạn văn Bất giác đặt vấn nạn trước đã xong, từ đây trở xuống, Tư giác thứ hai.

Đặt vấn nạn thứ nhất, có năm chữ “lại nữa”, tức là có năm đoạn. Số luận chấp Ngã thể chỉ có Thọ; Thắng luận chấp Ngã thông với Tác thọ. Dưới đây là phá tác dụng, tùy nghĩa nên hiểu.

Vấn nạn thứ hai: “Nếu Vô thường thì Thể của nhân Sở tác này là biến dị chấp có Ngã...”, Sở tác có nghĩa là sinh; Thể của nhân Sở tác

là Biến dị. Pháp của Vô thường, Ngã là Tác giả, vẫn nói Hữu thường nhưng mà có Sở tác, không xứng đạo lý. Hiển Dương luận ghi: “chấp Ngã có Sở tác, không xứng đạo lý, không nói Hữu thường”. Hiện tại chỉ nói chấp Ngã là Hữu. Hữu thông với hai nghĩa:

1. Hữu thường.
2. Hữu sở tác.

Thường thì Lượng rằng: “Ngã đáng lẽ không phải thường có, vì có Sở tác, như đất thô. Nếu là Thường, thì Ngã đáng lẽ không có Sở tác, vì là Thường, như hư không”. Thường là chánh vấn nạn, Vô thường là thiết lập ngăn phá.

Vấn nạn thứ ba: “Ngã có động tác...”, là của Số luận và Thắng luận. Ngã không có động tác, vì khắp hư không, ra khỏi mọi sự trói buộc. chấp Ngã có động tác, vì không khắp hư không. Nghĩa của Tác tuy đồng, nhưng nghĩa của Động thì khác. “Ngã có động tác là có Sở tác...”, là Thường tác, không phải tạo tác lại, vì Ngã thường có. Hằng động thường tác không phải hiện nay mới tạo tác, không phải tạo tác lại. Lượng rằng: “Ngã động của ông chưa tạo tác thì nên trước hết tạo tác, vì hằng động tác, như Sở tác hiện tại. Ngã không có động tác thì đáng lẽ không có Sở tác, vì không có động tác, như hư không”.

Vấn nạn thứ tư: Hoặc có Nhân tác mà nói Ngã tác, thì liền trái với tự tông. Hoặc không có Nhân tác thì Ngã đáng lẽ là Hằng tác, vì Ngã luôn hằng hữu, khỏi phải chờ nhân. Lượng rằng: “Ngoài tất cả sự khác, khi chưa tạo tác sự này, cũng hằng nên tạo tác, vì chấp Ngã hằng hữu không chờ nhân, như khi hiện tại tạo tác”.

- Trong “Uẩn giả thiết vấn nạn”, phân làm hai đoạn:

1. Trình bày bốn kế chấp.
2. Trình bày riêng quở trách.

Bốn kế chấp: Thứ nhất là kế chấp Uẩn, ba kế chấp sau là Dị uẩn. Trong ba Dị uẩn: Ngã thứ nhất, Dị uẩn trụ trong Uẩn; Ngã thứ hai, Dị uẩn trụ ngoài Uẩn, Ngã vẫn thuộc Uẩn, đây là Ngã của Sắc cho đến Ngã của Thức; Ngã thứ ba, trụ ngoài Uẩn nhưng không thuộc Uẩn.

Phá kế chấp thứ hai: Vấn nạn trong Thường, có bốn Phá. Phá thứ ba: “Nếu là pháp không sinh khởi và Phi pháp, thì đáng lẽ các Uẩn thân rất ráo không khởi”, nếu Ngã là pháp chẳng tạo và Phi pháp, thì Uẩn đáng lẽ không có, vì không có nhân. Lượng rằng: “Đáng lẽ Uẩn sau rất ráo không sinh, vì chấp Ngã không khởi pháp và Phi pháp, cũng như sừng thỏ”. Lại nữa, đáng lẽ không do công dụng Ngã thường giải thoát, vì là pháp không sinh khởi và Phi pháp. Lượng rằng: “Ngã của ông tại



sinh tử không do công dụng thì đáng lẽ thành giải thoát, vì không tạo pháp và Phi pháp, như Niết-bàn vị”. Lại nói Ngã khi chứng đắc Niết-bàn, vì lia nhiều trói buộc gọi là giải thoát, trong sinh tử liền có trói buộc. “Lại nữa, Ngã này sau khi diệt hoại, đối với các chỗ khác không tạo tác mà bị lỗi lớn...”, là Ngã vô thường diệt, nghiệp cũng tùy theo không có, các quả sau sinh Vô Nhân mà có, đó là không tạo tác mà bị lỗi. Hiện tại Phật pháp của tôi từng sát-na diệt, tùy trong Bản thức mà sát-na trước diệt, sát-na sau sinh, quả do Nhân mà khởi, Ngã của ông không có huân tập, khi Ngã diệt thì nghiệp mất, quả sau không có Nhân cho nên thành lỗi lớn. Lượng rằng: “Ngã của ông đã diệt, sau đó có quả đáng lẽ không sinh, vì không có Nhân, như sừng thỏ”.

Phá kế chấp thứ ba, “nếu ngoài Uẩn, thì kế chấp Ngã của các chỗ khác và chỗ của ông đáng lẽ là Vô vi”, vấn nạn này giống như lỗi chột giúp nhau thành tựu, vì người kia cho là Thường, hiện tại luận này không có lỗi. Quyển 65 ghi: “Không có Biến dị, thì đó là tướng Thường của nó, Ngã đã không có Biến dị, thì tương lai và hiện tại có hai nhân duyên, đều không xứng lý”. Nếu tương lai không có Biến dị, thì không có sinh già bệnh chết tổn hại..., làm trời người... lưu chuyển trong năm đường; nếu hiện tại Thế không có Biến dị, thì trong các cảnh giới Ái và Phi ái, đáng lẽ không có chỗ Biến dị của Khổ, Lạc, Ái, Khuể, Si, cho đến không đáng do những thứ này mà tu hành pháp và Phi pháp. Ngã đã có hiện tại và tương lai Biến dị, thì tức là Vô thường, Thế tức là Uẩn, cho nên thật Uẩn có thì không có tướng này, vì tướng này không có thì đáng lẽ là Vô vi; nếu là Vô vi thì không có tướng Biến dị này. Lượng rằng: “Ngã thọ uẩn của ông đáng lẽ không có các tướng Biến dị này, vì thừa nhận Vô vi, cũng như hư không”. Đây là nói “đáng lẽ là Vô vi”, là để hiển Ngã đáng lẽ không có nghĩa của tướng Biến dị. Hoặc trong đây có ý vấn nạn thành hư không: “Ngã của ông đáng lẽ là hư không Vô vi, vì thừa nhận Dị uẩn, như Hư không Vô vi, Chân như của nó, không phải quyết định là Dị uẩn”, không có lỗi Bất định.

Phá kế chấp thứ tư: “đáng lẽ không có nhiễm ô”, quyển 65 ghi: “Nếu không có Uẩn thì liền không có Sắc cùng với Thân tương ứng, cho đến cũng không phải thọ dụng, cảnh giới, phân biệt ý tương ứng, đã không có năm thứ này thì không do công dụng mà Ngã đáng lẽ được giải thoát, vì không có nhiễm ô”. Lại nữa, Ngã và thân không nên tương thuộc lẫn nhau. Lượng rằng: “Ngã đáng lẽ không có nhiễm ô thì mặc tình tùy ý giải thoát. Lại nữa, đáng lẽ không nói Ngã có Sắc... vì kế chấp Dị uẩn, không phải Uẩn, như hư không”. Người kia kế chấp thật

Ngã tuy không thuộc Uẩn, nhưng vẫn nói Ngã có Sắc... cho nên thành lập vấn nạn này, nếu không như thế thì lại có lỗi giúp nhau mà thành. “Không nên tương thuộc”, là nghĩa Ngã có Sắc... không phải nghĩa nhiếp thuộc.

- Vấn nạn thứ tư trong lập Hữu có hai đoạn:

1. Nêu hai trình bày.
  2. Tùy trình bày giải thích riêng.
- Trong phần đầu lại có hai đoạn:

1. Nêu hai môn.
2. Tùy giải thích riêng.

Đây là trong vấn nạn Tư giác có Ngã, đã thật biết có Ngã.

- Trong giải thích môn thứ hai, lại phân làm hai đoạn:

1. Nêu hai môn.
2. Tùy giải thích riêng.

- Hai môn:

1. Nghiệp sở thành.
2. Tư cụ bị Ngã chấp.

- Trong nghiệp có năm phần:

1. Vấn nạn như Chủng tử, vì cận Sở tác cho nên đáng lẽ Vô thường.

2. Vấn nạn như thợ gốm, vì khác Thể mà thành cho nên đáng lẽ Phi thường.

3. Vấn nạn như thần thông, vì có tự tại, đáng lẽ không có sinh khởi Địa ngục, tham, sân.

4. Vấn nạn như Địa, vì Vô tác và Sở y hiển rõ nghiệp.

5. Vấn nạn như hư không, vì Sắc không có giả lập, không có nghiệp dụng.

“Nếu là tư cụ bị Ngã sở chấp, hoặc nói như lưỡi liềm...”, câu này có ý nói, lưỡi liềm không phải chỉ có thể cắt đứt các vật khác, ngoài liềm ra cũng còn có dao cũng có thể cắt đứt như lưỡi liềm. Lìa ngoài Kiến ra, trên các vật khác riêng có Năng kiến, dụng của Năng kiến, nhất định không nắm bắt được, cho nên lìa ngoài Kiến ra không có riêng Ngã mà chấp Kiến. Lại nữa, giải thích không phải chỉ lưỡi liềm có thể cắt đứt vật, lại có các vật khác có thể đoạn đứt vật, lìa nghiệp Biệt kiến ngoài Kiến ra cho nên không có Ngã. Giải thích này có hơi xa, Dù không tương tự, cho nên khó thấy tư cụ của Ngã sở chấp.

“Như lửa của thế gian tuy có thể thiêu đốt, nhưng cũng được làm Năng thiêu”, nghĩa là người làm Năng thiêu, lửa làm Sở thiêu, Thể của

Năng thiêu, lửa lia người, vì tự có thể thiêu cháy vật. Sự thấy vật của Kiến... lia Năng kiến của tự nó, thì đâu cần nhờ đến Ngã? Hai lối so sánh này cứ theo đó mà tư duy thì có thể hiểu.

Từ trên đến đây hợp chung vấn nạn ngay các tướng bị người thấy triển chuyển tương sinh. Từ đây xuống mới là vấn nạn tướng là Kiến. Trong vấn nạn thứ sáu sinh tử và Niết-bàn, “Tướng lưu chuyển này trong các Hành có thể đặc, như đối với thân, ngà, sông, đèn, xe...”, câu này có ý nói, như sự lưu chuyển trong hành vi của thân có thể đặc, pháp bên ngoài thân như ngà, sông, đèn, xe... tuy không có Ngã nhưng cũng được lưu chuyển, cho nên thân lưu chuyển thì đâu cần gì có Ngã. Lượng rằng: “Nội thân lưu chuyển quyết định không có Ngã, như răng, sông, đèn, xe...”.

Trong vấn nạn bảy Tác thọ giải thoát, “nếu là Ngã thì Ngã đáng lẽ Vô thường”, các Thọ giả, Tác giả kia không phải là các Hành, tức là Ngã, thì Ngã đáng lẽ Vô thường, vì có Tác dụng, như tay chân. Hoặc không có Biến dị thì không phải Thọ giả, vì không có Biến dị, như hư không.

- Trong vấn nạn mười Thi thiết của Chúng kiến có ba đoạn:

1. Vấn nạn thiện và bất thiện của Ngã kiến.
2. Vấn nạn thiện và bất thiện của Vô ngã kiến.
3. Vấn nạn Ngã và Ngã kiến cho là Ngã tà.

- Ngã kiến có hai thứ:

1. chấp Ngã kiến, kia nói là Điên đảo.
2. Duyên Ngã tuệ, kia nói là Phi đảo.

Hiện tại hỏi cả hai rằng, thứ nhất vấn nạn thiện hay là hỏi duyên Ngã tuệ? Lượng rằng: “Tuệ của Duyên ngã cũng đáng lẽ là điên đảo, vì duyên Ngã tuệ, như chấp Ngã kiến”. Hoặc vấn nạn chấp Ngã kiến. “Nếu là thiện”, như văn có thể biết. “Nếu là bất thiện, thì không nên nói chánh và Phi điên đảo”, Kiến đã bất thiện thì đáng lẽ không phải thuận Cảnh. Thế nào gọi là chánh? Ngã có xứng tâm duyên khởi Ngã giác, Ngã của Sở chấp nói là Phi điên đảo. Duy Thức trình bày điều đó rằng: “Nếu như thế thì tại sao chấp Hữu ngã, là chỗ tin chí giáo, đều là hủy báng Ngã kiến, khen ngợi Vô ngã...” cho đến rộng nói. Cho nên hiện tại hỏi Kiến của Vô ngã kia, “nếu nói là thiện”, ngoại đạo cũng khen Vô ngã kiến, “nếu nói bất thiện mà Nhất thiết trí”, đây là từ các sư kia gọi là Nhất thiết trí, tán thán Vô ngã kiến tức chứng Niết-bàn, hiện tại nói bất thiện là không đúng đạo lý. “Nếu nói Phật là Nhất thiết trí”, là tán thán Vô ngã kiến mà người khác không tin.

Trong “Thường luận thứ năm”, văn cũng có năm đoạn, Ngã và thế gian đều là Thường trụ...”, thế gian có hai thứ:

1. Năm Uẩn thế gian.
2. Quốc độ thế gian.

Số luận sư cho rằng cả hai đều là Thường trụ, hoặc tùy chỗ thích ứng. Kế chấp của các sư khác, Ngã là Tự ngã; thế gian là Tha ngã. Dưới đây, pháp của các Thường luận đều dựa vào kế chấp này. Tác giả có hai thứ:

1. Tự tác, là Túc tác nhân.
2. Tha tác, là Không tác, Thời tác, Phương tác, Ngã tác và Bản tế tác.

Đây không phải là hai Tác giả tác, gọi là Phi tác giả tác. Cũng không phải Tự tại thiên và Phạm vương, Sở biến hóa của bậc Biến Hóa gọi là Hóa của bậc Phi hoá. Đây là y theo quyển 87 giải thích. Do Tánh thường cho nên không thể tổn hại, như núi đất tích tụ mà trụ.

“Y-sư-ca”, Ấn Độ có hai giải thích:

1. Gần thành Vương xá, có hòn núi cao lớn, cứng chắc thường trụ, Ngã cũng như thế.
2. Hoặc lại có loài cỏ, gọi là Y-sư-ca, thể tánh cứng chắc, cho nên thí dụ cho Ngã.

Trong sáu mươi hai Kiến, có bốn mươi Kiến là Thường kiến, là bốn Nhất thiết thường, bốn Nhất phần thường, tám Hữu tướng, tám Vô tướng, mười sáu Phi tướng Phi phi tướng, đều được kể là Thế tánh Cực vi Thường trụ. Thắng luận và Thuận Thế đều có kế chấp này. Trình bày chấp có hai đoạn: 1. Trình bày Sở nhân của bốn mươi Thường kiến. 2. Trình bày nguyên nhân Cực vi Chấp thường. Sáu mươi hai Kiến như quyển này, quyển 58, 87 phân sau, Hiền Dương luận quyển 9, 10, Đối Pháp luận quyển 1, Duy Thức quyển 6 và Biệt chương giải thích. Kinh Phạm Võng, kinh Lục Thập Nhị Kiến và Xá-lợi-phất A-tỳ-đàm là nghĩa của Chánh lượng bộ. Phẩm Phạm Động trong kinh Trường A-hàm, là nghĩa của Đại chúng bộ. Đại Tỳ-bà-sa quyển 199, 200, là nghĩa của Nhất thiết hữu bộ, không phải là chỗ tông của luận này. Kinh Đại Phẩm quyển 15, Đại Trí Độ luận, nói Thân kiến và Biên kiến cho là Căn bản, năm Uẩn mỗi mỗi đều có bốn Ngã sở Kiến, ba đời mỗi mỗi đều thành hai mươi câu, gồm chung lại có sáu mươi hai Kiến. Tùy cơ mà nói riêng, ở đây không nói rõ, sợ dài dòng nên không thuật.

“Y theo Tịch lự ba bậc hạ trung thượng”, đây luận về bốn Nhất thiết thường. Quyển 87 ghi: “Nói rằng trong kế chấp Tam Thường luận

của tiền tế, do thanh tịnh sai biệt của thượng trung hạ, mỗi mỗi đều Túc trụ tùy niệm Câu hành”. Có ý hiển:

1. Y theo Định hạ phẩm mà khởi Túc trụ niệm, biết quá khứ hai mươi Thành kiếp.

2. Y theo Định trung phẩm nhớ bốn mươi Thành kiếp.

3. Y theo Định thượng phẩm nhớ tám mươi Thành kiếp, đều biết là Thường. Do chấp thế gian Không kiếp là ẩn, Hữu kiếp là hiển, không phải diệt hoại.

4. Y theo Thiên nhân mà thấy đời hiện tại, không biết sinh diệt, hoặc thấy các Thức, đây diệt kia sinh không đoạn dứt. Thấy thô không phải tế mà chấp làm Thường. Thiên nhân thì làm trước hết, mới thấy sinh tử hiện tại, là Tiền tế của vị lai. Trong đây ba chỗ y trước đều là nhớ quá khứ. Một chỗ y sau là trước hiện tại và vị lai, hợp lại gọi là Tiền tế. Trong các Kiến này, quá khứ gọi là Tiền tế, vị lai gọi là Hậu tế, hiện tại thì thông cả hai, vì mong chờ sai biệt.

“Hoặc thấy Phạm vương tùy ý thành lập”, là một phần Thường kiến. Phạm vương lập lời rằng: “Ngã (ta) là Thường, tử (con) là Vô thường”. Có người thờ phụng Phạm vương, tùy theo ý của Phạm vương mà lập đây là Vô thường, kia là Thường. Đó là một phần Thường kiến thứ nhất.

“Hoặc thấy bốn đại chủng biến dị”, là nghe Phạm vương lập đại chủng là Thường, tâm Vô thường, hoặc tâm Thường, đại chủng Vô thường, cùng với Nhân kia có thể gọi là một phần Thường kiến thứ hai. Một phần Thường kiến thứ ba là vui quên chết ở cõi trời sinh lại cõi này. Một phần Thường kiến thứ tư, là ý giận chết ở cõi trời sinh đến cõi này, chứng đắc Túc trụ thông, cả hai đều nhớ câu nói “ở cõi trời kia không có hai sự này”, cho nên là Thường trụ, ta có đến đây cho nên là Vô thường, gọi đó là một phần Thường kiến thứ ba và thứ tư. Trong đây nói nương vào Định mà chứng đắc Túc trụ niệm, vì nhớ pháp của cõi Sắc thù thắng mà kế chấp gọi là Kiến. Lược nói hai Kiến đầu, không nói hai Kiến sau.

Trong Kiến hậu tế, “đối với Tướng và Thọ, tuy thấy sai biệt...”, là tuy thấy hai Thể của Thọ và Tướng, nhưng Ngã sở sai biệt, thì không thấy Tự tướng sai biệt của hai Thể này, mà chấp làm Ngã sở. Ngã có Tướng... ba mươi hai Kiến. “Nếu thấy chấp Ngã sở của tự tướng, hoặc không thấy tự tướng”, Hiển Dương luận quyển 9 ghi: “Không thấy tự tướng sai biệt của Ngã, là không thấy Ngã, đều không có tự tánh”. Chấp Tướng và Thọ là Ngã có, thì Tướng liền phát khởi ba mươi hai Kiến.

Ngã và các Thường kiến của thế gian sinh ra tám Hữu tướng kiến và tám Vô tướng kiến. “Trong Câu phi”, Hữu sắc... có bốn thứ, Hữu biên... có bốn thứ, Tiểu tướng... có bốn thứ, hợp chung gọi là Tướng. Hữu lạc... có bốn thứ hợp chung gọi là Thọ, phần sau sẽ hiểu.

Hữu tướng, là trừ Vô tướng thiên và Phi tướng Phi phi tướng thiên ra, còn lại tất cả Địa. Vô tướng, là Vô tướng thiên. Câu phi, là Phi tướng Phi phi tướng xứ.

“Kế chấp Hữu vi do Hữu quả trước tập khởi và ly tán mà thành Hữu quả trước hoại diệt”, là người kia kế chấp thật có thể tánh, Không kiếp làm đầu tiên, đến khi Thành kiếp thì Hữu quả tập khởi, cho nên ly tán và Thường cực vi tập hợp thành thô. Đến khi Hoại kiếp, thì thô tụ tập nhiều sắc ly tán làm đầu, có bốn Đại hoại diệt, trở lại chỉ có Cực vi. Khi trụ tại Không kiếp, thì Không kiếp kia do Túc trụ tùy niệm, thấy cuối cùng Hoại kiếp thì thô sắc thành vi trần tan ra, bắt đầu làm Thành kiếp thì vi trần tan ra trở thành Tụ sắc; hoặc thấy các Cực vi Huýnh sắc của Không kiếp mà chấp làm Thường. Đây là Thắng luận sư chấp tế là Thường, thô là Vô thường.

- Phá chấp có hai phần:

1. Phá.
2. Tổng kết.

Trong Phá, thì trước hết phá ba mươi hai Kiến, sau đó phá Cực vi. Trong phần đầu lại có bốn phần. Trong Phá thứ hai, “nếu lấy Ngã là ức niệm quá khứ có các Danh như vậy, các loại hữu tình như vậy...”, là hữu tình chứng đắc Túc trụ tùy niệm, nhớ lại “Ta xưa kia tên họ như vậy, tên họ đã không phải Thể của ta, vậy tại sao nói niệm nắm lấy Ngã mà sinh?”

Vấn nạn thứ ba: “Duyên kia hiện tiền khi ba hoà hợp Sắc, Cảnh, Nhãn thức khởi”, trong đây có ý hỏi rằng: khi Nhãn thức hiện đang duyên Sắc, thì Trụ từ trước đến nay đã từng khởi các Nhĩ thức... thì pháp là diệt hay là chuyển? Nếu nói chuyển, thì đối với trăm ngàn Cảnh và Thức đã từng khởi, chỉ do một cảnh giới Sắc trong hiện tại này nương vào tất cả Thời mà lập, các Thức kia cùng khởi thì liền trái chánh lý!

Phá thứ tư nói: “Ngã của chỗ bị chấp, do Sở tác của Tướng và Sở tác của Thọ...”, trong đây có ý muốn hiển hai pháp Tướng và Thọ đều làm Ngã sở, do hai thứ này kích tác đối với Ngã, có khi Ngã chỉ có một nhóm Tướng, cho nên hai thứ Tướng và Thọ gọi là Năng tác, Ngã làm Sở tác, như tài vật thế gian kích động hữu tình, hữu tình có khi duyên ít tài vật mà sinh tham sân si... Tướng và Thọ kích tác đối với Ngã cũng như vậy,

không phải Ngã không bị Tướng và Thọ kích tác trước mới có nghĩa.

“Nếu nói không có”, là đã có một Tướng rồi. “Các thứ Tướng sau...”, từ đây trở xuống hợp chung vấn nạn Tướng và Thọ kích tác Ngã không có nghĩa Biến dị. Lấy mười sáu Kiến của Hữu tướng đặt làm vấn nạn, mười hai Kiến tướng làm bốn Kiến. Thọ làm một Tướng, như quyển 87 ghi: “Chủng chủng Tướng tại Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, là các Tướng nhỏ hẹp tại các Địa dưới, tức là Chủng chủng tướng; Vô lượng Tướng tức là một Tướng”. Vô sở hữu xứ cũng là một Tướng, chứ không phải vô Tướng, vì lược bớt cho nên không nói.

Lại chấp ít Sắc làm Ngã, Tướng làm Ngã sở, Tướng cùng với các Tướng sau hợp chung làm Thiếu tướng, Địa hẹp thì Tướng nhỏ ít, gọi là Chủng chủng Tướng; Vô lượng Tướng tức là một Tướng; Vô sở hữu xứ cũng là một Tướng, vì lược bớt cho nên không nói.

Lại nữa, chấp ít Sắc làm Ngã, Tướng làm Ngã sở, Tướng cùng với các Tướng sau hợp chung làm Thiếu tướng, là chỗ Du-già nói “Tại Chủng chủng tướng địa”. Chấp vô lượng Sắc làm Ngã, Tướng làm Ngã sở, gọi là Vô lượng Tướng, là Du-già nói “tại nơi một Tướng”. Nhưng quyển 87 ghi: “Như thứ tự đó thì hai Tướng trước có hai Tướng sau, nhưng nghịch thứ tự không phải thuận thứ tự, nên suy tìm nghĩa lý”. Đây là vấn nạn Sở tác của Tướng trước không có Biến dị, Ngã thuần có Lạc... Quyển 87 ghi: “Có Lạc thì trong ba Tĩnh lự dưới; có Khổ thì tại Nại-lạc-ca; có Khổ có Lạc thì tại Quỷ, Bằng sinh, Nhân, chứ thiên cõi Dục; Không khổ không lạc thì tại Đệ tứ tĩnh lự trở lên các Địa”. Đây là vấn nạn Sở tác của Thọ trước không có biến dị, cũng là tám câu trong phần luận về Tướng.

“Lại nữa, nếu chấp mạng tức là thân” trở xuống, là nương theo vấn nạn Tướng và Tác, liền thuyết minh Ngã, Hữu sắc... trong Hữu tướng luận, sau khi chết thì có Tướng..., còn tám câu khác nữa, lấy chỗ trình bày chấp ở trước, vì đối với Tướng và Thọ đều khởi chấp. Mạng là Ngã. Chấp Ngã có Sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tướng địa; chấp Ngã không phải Sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tướng địa; hoặc chấp Ngã đều là Sắc, Phi sắc, không hai, không thiếu. Do đó là chấp Ngã cũng Sắc cũng Phi sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tướng địa. Để làm chuẩn cho câu thứ ba này, nói câu thứ tư là Ngã phi sắc Phi phi sắc, sau khi chết sinh vào Hữu tướng địa. Lại nữa, hoặc thấy chút ít Sắc, chút ít Phi sắc, đó là chấp Ngã có biên giới, chấp Sắc và Phi sắc cả hai đều là Ngã, vì chỉ thấy chút ít, cho nên gọi là Hữu biên kiến, hai thứ Vô lượng kia liền khởi chấp Ngã là Vô biên kiến thứ hai. Ngã sắc thì ít nhỏ, Ngã phi

sắc thì vô lượng, hoặc thấy ngược lại Ngã sắc thì vô lượng, Ngã phi sắc thì vô lượng, liền chấp Ngã thứ ba cũng Hữu biên cũng Vô biên. Nên biết câu thứ tư thì ngược lại điều này, văn khác mà nghĩa đồng, lại càng không có lý riêng. Hoặc ngược lại câu thứ ba riêng có tự thể, là chứng đắc Ngã Niết-bàn giải thoát, xa lìa hai thứ gọi là không phải Hữu biên và không phải Vô biên, sau khi chết thì bốn thứ này trước hết đều sinh Hữu tướng địa, cho nên mười sáu bài luận hợp chung vấn nạn nghĩa Ngã thể Sở tác không biến dị của Tướng và Thọ. Nếu không có biến dị thì tại sao có biến dị bất đồng? Chỉ vấn nạn hai chỗ biến dị Tướng và Thọ, Vô tướng đều không phải cho nên lược bớt không nói.

Câu thứ hai và câu thứ tư sau, cùng với câu thứ tám của Vô tướng và câu thứ tám của Câu phi, có hai đoạn: Đoạn thứ nhất, chỗ chấp Ngã thì đồng, chỉ là sau khi chết, như chỗ nói trước, Sinh địa có khác, nhưng không khác nhiều lắm cho nên lược bỏ không nói. Đoạn thứ hai, trong phá Cực vi có năm thứ: 1. Nếu đã quán sát trái nghịch các Lượng, thì Hiện lượng và Tỷ lượng là chỗ không thể được, cho nên cũng như sừng thỏ, quyết định không phải thật có. Tông kia tuy chấp chỗ chứng đắc của Hiện lượng, nhưng tông này thì nói không phải huýnh sắc của Không kiếp, chỉ có A-noa (cực vi) trở lên thô sắc, thì Hiện lượng có thể đắc, vì không phải Cực vi. Tiểu thừa tuy nói hai Hiện lượng của Luân vương và Thiên nhân, nhưng không phải tôi thừa nhận, vì hư cấu mà thành.

Vấn nạn thứ hai nói: “Chuyển lại yếu kém mà nói là Thường thì không đúng lý”. Lượng rằng: “Cực vi chuyển nhỏ, đáng lẽ không phải là Thường, vì tổn giảm suy yếu, như sắc A-noa họ chấp sắc thô tổn giảm vô thường”. Nếu do dị tướng thì đó là Cực vi vượt qua tướng của đất nước, tức là vật thô đáng lẽ phải là Cực vi của đất nước, nhưng mà không phải thừa nhận là dị tướng. Lượng rằng: “Cực vi đáng lẽ không phải tướng đất nước... vì thừa nhận tướng khác với Cực vi. Đất nước... như Tâm, Tâm sở, lại cũng không thể sinh quả của đất, nước... vì không phải chủng loại như Tâm, Tâm sở. Lại nữa, Cực vi kia lìa ngoài Địa, Thủy... thì càng không có tướng nào khác có thể quyết định được không phải là đất, nước... vì không phải các loại đó, như hư không... Hai vấn nạn trong đây đều là tông này, trong vấn nạn thứ ba nếu không khác tướng, là vì cùng với nhân kia không có sai biệt cho nên đáng lẽ phải là Thường. Người kia chấp rằng: “Chỗ sinh thô sắc không vượt qua Nhân lượng”. Vấn nạn hai tướng nhân quả đã không có sai biệt thì nhân đáng lẽ cũng phải là quả, vì không có khác tướng, như quả; quả cũng phải là nhân, vì không khác tướng, như nhân, cho nên không có quyết định.



Nếu từ ly tán thì đáng lẽ tất cả thời tất cả quả đều sinh, lúc Thành kiếp, nếu Tụ sắc từ ly tán riêng khác Cực vi mà sinh, tức là chỗ có Cực vi lúc Không kiếp đều có thể sinh quả, vì nhân hằng Hữu. Như khi Kiếp thành, không phải chỉ khi thành là nhân có quả, cho nên thành nhân quả bốn nghĩa quyết định. Lại nữa, tánh của Sắc thô tụ là Vô thường, có thể sinh, Thể của Tán cực vi là Thường trụ, Thường trụ của thô và tế cả hai trái nghịch nhau mà sinh, đáng lẽ tất cả thời, nhân trái nhau mà sinh tất cả quả, cho nên nói là phải không có nhân quả quyết định. Kế chấp pháp Di loại được tương sinh cho nên từ đây trở lên là thiết lập để ngăn, từ đây trở xuống là phá kế chấp này. Nếu nói không vượt quá hình chất lượng kia, thì hai lượng lớn nhỏ của nhân quả đã đồng, thì làm sao có tên Cực vi gọi là phần Chất, có phần của hình thô? Thành Duy Thức cho rằng: “Chỗ sinh quả của Sắc không vượt qua Nhân lượng, đáng lẽ giống như Cực vi mà không gọi là thô sắc”. Lập Lượng cũng như luận kia, Hiền Dương luận quyển 14 ghi: “Nếu không vượt qua, thì thô chất chướng ngại vật đáng lẽ như Cực vi thì không thể nắm lấy, không thấy chất ngại, là vật không minh tịnh đồng tại một nơi cho nên không đúng đạo lý”. Luận kia nói, Lượng và Đức hợp chung cho nên không phải thô mà tợ thô, cho nên đều như luận kia phá. Nếu nói vượt quá, thì các Thể của các Cực vi không có phần tế, cho nên không thể phân tích nắm lấy sinh. Vật thô cũng đáng lẽ là Thường, vì Cực vi không thể phân tích, Hữu thể đã xứng với Thường, vật thô tuy vượt hơn Thể vốn có, thì cũng đáng lẽ là Thường. Hiền Dương luận quyển 14 ghi: “Nếu vượt quá lượng kia, thì chỗ quá lượng đó vật thô chất ngại không phải Cực vi làm thành, đáng lẽ là Thường trụ”. Ý này vẫn nạn rằng: “Cực vi không có tế phần, không thể phân tích xứng với Thường, chỗ sinh vật thô quá lượng, thì các tế phần khác không thể phân tích, cũng đáng lẽ là Thường”. Lại còn vẫn nạn thứ nhất và thứ hai là hợp chung chỗ sinh thô gọi là Cực vi, không phải vẫn nạn các Hữu phần khác. Nếu chuyển cho rằng chỗ quá lượng một phần Cực vi của các tế phần khác, vốn không có hiện tại khởi, tức là chỗ chấp Cực vi làm Thường của ông là không đúng đạo lý, vì thừa nhận mới sinh. Hiền Dương ghi: “Nếu ông cho có các Cực vi khác sinh, thì Cực vi đó đáng lẽ không phải Thường trụ, hoặc vật thô là Tánh của Tế cực vi mà được mới sinh. Vốn không có hiện tại khởi thì đáng lẽ tất cả Thể của Cực vi đều không phải Thường. Đây là vẫn nạn lại nghĩa không quá lượng ở trước. Nghĩa quá lượng là chuyển chấp, không quá lượng là tông này. Từ trên đến đây hợp lại là đoạn Phá thứ ba, có chuyển ngăn trách, tìm vẫn có thể hiểu.

- Vấn nạn thứ tư, Hiển Dương luận có ba vấn nạn:
    1. Như Chủng tử phân rõ Thể sinh, đáng lẽ là Vô thường.
    2. Nếu như sữa tức là Thể sinh Cực vi, đáng lẽ là Biến dị.
    3. Nếu như thợ gốm, khác Thể sinh Cực vi, một nhọc ngay với tư lự này.
  - Thành Duy Thức có hai vấn nạn:
    1. Vấn nạn Cực vi.
    2. Vấn nạn thô sắc.
  - Cực vi có ba vấn nạn:
    1. Thật.
    2. Thường.
    3. Có thể sinh thô sắc.
  - Có thể sinh thô sắc có hai vấn nạn:
    1. Không vượt quá lượng của nhân.
    2. Thật có.
- Điều rộng nói như trong các luận đó.

Vấn nạn thứ năm, người nào lại đối với công năng đó trong lúc nhàn rỗi, người nào đối với Cực vi kia, công lực của hữu tình trong lúc nhàn rỗi không khiến cho sinh? So sánh thì có thể biết, nếu nói không nhờ hữu tình thì tức là vô dụng, ngoài vật mà sinh. Dụng là nguyên do, là chỗ ứng dụng. Đối với hữu tình không có dụng, là không do hữu tình mà ngoài vật sinh ra là không đúng lý. Lượng rằng: “Ngoại vật của các ông đáng lẽ không được sinh, vì không do hữu tình, cho nên tổn đối với Hữu nhân và Vô nhân, như lông rùa”.

Trong phần tổng kết thứ hai, có tám chữ “cho nên”, ba chữ đầu là kết phá bốn mươi Thường kiến, năm chữ sau kết phá Cực vi là Thường. Đoạn văn đầu có bốn chữ, không kết với chữ thứ nhất, vì làm ví dụ để phá dễ dàng, còn lại ba chữ lần lượt mỗi mỗi phối hợp với một chữ “lại nữa”. Kết Cực vi sau cùng, năm chữ “lại nữa” cũng vậy. “Bởi vì Cộng tướng” là kết nghĩa Thường ở trước, vì Thường và Vô thường là Cộng tướng. “Bởi vì tự tướng” là tổng kết tướng dị và bất dị. Tự thể Cực vi, tướng và quả, Dị và Bất dị, cho nên gọi là Tự tướng.

Trong phần “mở chánh nghĩa thứ năm”, tất cả thời, là đối với Thời của ba đời. Tất cả Chủng tử, là trong tất cả Hữu vi chủng loại sai biệt. “Tự nhiên” là bản tánh. “Do tha” là vì người khác. “Vật hoại không sinh” là không có khởi tạo tác. Trong năm thứ này không có biến, không có động, mới gọi là Thường. Chỗ kế chấp ở trước của người kia đã trái với năm thứ này, biết rõ Vô thường, không nên vọng chấp.